TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **71**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Hoàng Ái**

Ông **Lê Thiên Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vy Thị Hoài Nụ** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 901/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn S -** Sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn M -** Sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2022, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn S trình bày:* Bà và ông Nguyễn M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã A. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên kình cãi, xích mích. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Đến nay, bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn M.

Về con chung: Vợ chồng có duy nhất một người con chung là Nguyễn H, sinh ngày 04/4/1996, con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn S xác nhận vợ chồng không có tài sản

chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn S xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Bị đơn ông Nguyễn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.*

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn S ly hôn với ông Nguyễn M.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn M có hộ khẩu thường trú tại: Thôn M, xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Do vậy, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn S yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn M nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/1995, ngày 27 tháng 3 năm 1995. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn S và ông Nguyễn M là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy:

Xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà S và ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hơn nữa, bà S và ông M không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà S là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn M đều không tham gia tố tụng tại tòa. Đồng thời, ông M cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà S. Do vậy, xem như ông M tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có duy nhất một người con chung là Nguyễn H, sinh ngày 04/4/1996, con chung đã trưởng thành. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn S xác nhận vợ chồng không có nợ chung của ai nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn S ly hôn ông Nguyễn M.

2. Về án phí: Bà Nguyễn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005523 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà S đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã A, GCNKH số 13/1995, ngày 27/3/1995;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thùy My